

Số: 242/BC-STP

An Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1044/STTTT-CNTT-BCVT ngày 05/7/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc ý kiến thẩm định pháp lý dự thảo Tờ trình và Quyết định ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

##### 2. Đối tượng áp dụng: Theo khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy chế.

#### II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Ngày 04/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (UBND tỉnh) ban hành Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và ngày 27/12/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 61/2018/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND. Căn cứ pháp lý ban hành 02 Quyết định nêu trên gồm: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và một số văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện nay, Trung ương đã ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024) và một số văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan: Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số

85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Vì các lẽ trên, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 61/2018/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **III. Dự thảo Quyết định, Quy chế**

#### **1. Dự thảo Quyết định**

a) Tại tiêu ngữ: Đề nghị điều chỉnh dấu gạch nối tại tiêu ngữ thành “dấu gạch nối ngắn”.

b) Tại căn cứ ban hành văn bản: Đề nghị điều chỉnh căn cứ số 03, 04, 07, 08 lần lượt như sau:

*“Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

...

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;”*

Tại căn cứ số 09, 10 bỏ từ “về”; không viết hoa từ “Quy”, “Bảo” tại căn cứ số 12, 13; viết hoa từ “Quy” tại căn cứ số 14.

c) Khoản 2 Điều 2: Điều chỉnh như sau *“Quyết định này thay thế Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 61/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND”*.

d) Điều 3: Điều chỉnh như sau *“Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”*

đ) Nơi nhận: Điều chỉnh cụm từ “Công báo tin học tỉnh” thành “Trung tâm Công báo - Tin học”.

#### **2. Dự thảo Quy chế**

a) Tại tiêu ngữ: Đề nghị điều chỉnh dấu gạch nối tại tiêu ngữ thành “dấu gạch nối ngắn”.

b) Trích yếu Quy chế: Điều chỉnh cụm từ “Đảm bảo” thành “Bảo đảm” cho thống nhất với tên gọi Quyết định.

c) Điều 1: Đề nghị rà soát cụm từ “các nội dung, chính sách quản lý” có phải là phạm vi điều chỉnh tại Quy chế hay không.

d) Điều 2: Đề nghị bỏ từ “các” và từ “cấp” tại khoản 1; rà soát lại nội dung quy ước tại khoản 2.

đ) Điều 3: Từ khoản 2 đến khoản 8, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác theo khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tại khoản 9, đề nghị bổ sung cụm từ “của Chính phủ” sau cụm từ “ngày 01 tháng 7 năm 2016” và bỏ nội dung quy ước trong ngoặc, việc viện dẫn lần tiếp theo của Nghị định theo quy định pháp luật, đồng thời rà soát và điều chỉnh cho các nội dung còn lại tại dự thảo.

e) Điều 4: Đề nghị điều chỉnh cụm từ “điều 4” thành “Điều 4”.

g) Điều 5: Đề nghị bỏ cục tại Chương I.

h) Điều 6: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản theo quy định khoản 5 Mục V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Tại khoản 1, đề nghị viết hoa từ “an” trong cụm từ “Luật an toàn thông tin mạng”, đồng thời rà soát và điều chỉnh cho các nội dung tương tự còn lại tại dự thảo. Tại tên khoản 2, bỏ từ “tĩnh” do thừa. Tại khoản 5, không viết hoa từ “Bảo” trong cụm từ “Bảo vệ dữ liệu cá nhân”.

i) Điều 7: Không viết tắt nếu chưa quy ước, cụ thể: UBND (khoản 1); rà soát cụm từ “cơ quan, tổ chức” hay “cơ quan, đơn vị” tại khoản 2.

k) Điều 8: Đề nghị bỏ cụm từ “xác định rõ” do thừa tại khoản 1; không viết hoa chữ cái đầu âm tiết thứ nhất sau dấu chấm phẩy (trừ trường hợp bắt buộc viết hoa theo quy định), thống nhất kết thúc các khoản, điểm là dấu phẩy hay dấu chấm phẩy, bỏ dấu hai chấm sau các khoản, đồng thời rà soát và điều chỉnh cho các nội dung còn lại tại dự thảo; điều chỉnh điểm e, g khoản 2 thành điểm đ, e khoản 2.

l) Điều 9: Tại điểm a khoản 1, rà soát lại cụm từ “thông tin, tài liệu” theo khoản 1 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định “*Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra*”. Tại điểm b khoản 1, điều chỉnh cụm từ “sao chụp” thành “sao, chụp” theo Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; đồng thời, rà soát lại nội dung “không được in, sao, chụp tài liệu bí mật nhà nước trên các thiết bị kết nối mạng Internet” là đủ hay còn bao gồm trên những thiết bị có kết nối mạng máy tính, mạng viễn thông. Tại khoản 4, đề nghị rà soát lại nội dung này có thừa hay không vì Điều 5 Quy chế đã có quy định.

m) Điều 10: Rà soát lại cụm từ “giao thức” tại nội dung “sử dụng giao thức bảo mật giao thức HTTPS” (điểm b khoản 1).

n) Điểm c khoản 3 Điều 11: Rà soát cụm từ “người ngoài” là người nào.

o) Điều 13: Tên gọi là “Ứng cứu sự cố an toàn thông tin” hay “Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng”. Tại khoản 1, đang quy định lại các nội dung đã được quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc, như vậy là không phù hợp với quy định khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại khoản 2, 3, đề nghị xác định các nội dung phân nhóm và phân loại mức độ nghiêm trọng sự cố an toàn thông tin mạng căn cứ trên cơ sở nào. Tại điểm c, đ khoản 4, bỏ các dấu ngoặc trước các nội dung viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT... (trình bày đầy đủ tên loại, tên gọi, số, ký hiệu văn bản, nội dung văn bản, tên cơ quan ban hành nếu là viện dẫn văn bản lần đầu; còn viện dẫn lần tiếp theo (trừ luật, pháp lệnh) thì trình bày tên loại và số, ký hiệu văn bản). Tại khoản 5, rà soát lại nội dung “sự cố nghiêm trọng ở mức độ cao” là như thế nào. Tại khoản 6, an toàn thông tin mạng thông thường là gì (điểm b); trong cụm từ “yêu cầu bên cung cấp”, vậy bên cung cấp là ai (điểm c).

p) Điều 15: Đề nghị rà soát hình thức kiểm tra, đánh giá “định kỳ” tại điểm a khoản 2 là định kỳ hàng năm, quý, hàng tháng hay như thế nào. Tại khoản 4, rà soát “các hệ thống thông tin” có phải là đối tượng kiểm tra, đánh giá.

q) Điều 16: Đề nghị bỏ cụm từ “~~chuyên trách~~” khoản 4. Đồng thời, rà soát các nội dung còn lại tại dự thảo, trường hợp đã điều chỉnh thì bỏ ra khỏi dự thảo.

r) Điều 18: Điều chỉnh tại tên Điều 18 cụm từ “cơ quan đơn vị” thành “cơ quan, đơn vị”, đồng thời rà soát và điều chỉnh cho các nội dung còn lại tại dự thảo.

s) Điều 19: Trách nhiệm của người sử dụng tại khoản 3 có phải cũng là trách nhiệm cán bộ, công chức tại khoản 2.

t) Nội dung khác: Nội dung của dự thảo thuộc tính chuyên môn kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý không được quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác. Ngoài ra, việc quy định từng điều, khoản, điểm cần bám sát và đảm bảo tính thống nhất, không trái với quy định pháp luật.

#### **IV. Dự thảo Tờ trình**

1. Đề nghị điều chỉnh Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

2. Khoản 1 Mục II: Quyết định được xây dựng nhằm thay thế Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 61/2018/QĐ-UBND với những lý do, đề xuất bổ sung thêm nội dung lập luận nêu trên.

3. Mục III: Điều chỉnh đoạn ba thành “Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo Tờ trình dự thảo Quyết định và dự thảo Quyết định...”.

4. Khoản 2 Mục IV: Đề nghị trình bày cụ thể những nội dung cơ bản được quy định tại Quyết định.

5. Bổ sung phần “Xin gửi kèm theo:...” với hình thức theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP và thành phần hồ sơ hướng dẫn tại Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh.

**V. Ý kiến khác:** Tại Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo: Đề nghị trình bày theo Mẫu số 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Tuấn Ngọc**